TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 –LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Dung

Ông Lê Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhã Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST-HNGĐ 29/7/2025 giữa:

- ***Nguyên đơn***: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu phố G, phường L, thành phố P1, tỉnh Bình Thuận. Nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Bị đơn*:** Ông Lê Minh K, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu phố G, phường L, thành phố P1, tỉnh Bình Thuận. Nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Bà và ông Lê Minh K tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P1, tỉnh Bình Thuận nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2022 ngày 01/07/2022.

Sau khi kết hôn, ông Lê Minh K không lo làm ăn chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, không khí gia đình căng thẳng, từ cuối tháng 02/2025, bà đã đưa con về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh K.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là: Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 21/9/2023. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Quỳnh N sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Lê Minh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Minh K: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Minh K không nộp cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại Biên bản ghi lời khai của ông Lê Minh K đề ngày 01/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10- Lâm Đồng, ông K trình bày: Ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc ly hôn; Đồng ý giao con chung Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 21/9/2023 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn; Đồng ý việc bà T không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông xin phép được vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị T: Bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Lê Minh K.

- Về con chung: Giao con chung Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 21/9/2023 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, bà Phạm Thị T không yêu cầu ông Lê Minh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của

pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến trình bày của đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con. Bị đơn là ông Lê Minh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường L, thành phố P1, tỉnh Bình Thuận (nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng). Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, tỉnh Lâm Đồng.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông Lê Minh K vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T và ông Lê Minh K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P1 nay là phường P, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/7/2022. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Theo trình bày của bà Phạm Thị T thì sau khi kết hôn, ông Lê Minh K không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, không khí gia đình căng thẳng, từ cuối tháng 02/2025, bà phải đưa con về nhà mẹ ruột sống cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh K.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để nguyên, bị đơn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông Lê Minh K không đến Tòa án để giải quyết và cũng không gửi cho Tòa án văn bản có ý kiến, tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Minh K ngày 01/8/2025, ông Lê Minh K đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị T, đồng ý giao con chung Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 21/9/2023 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, đồng ý việc bà T không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa hai bên không thể hàn gắn, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T như ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2.5] Về con chung: Theo nguyên đơn khai, vợ chồng có 01 con chung là Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 21/9/2023. Theo bà T thì từ tháng 02/2025 đến nay khi bà T sống ly thân với ông Lê Minh K thì con chung Lê Quỳnh N sống với bà T nên nay bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Lê Quỳnh N sau khi ly hôn và không yêu cầu ông Lê Minh K cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông Lê Minh K cũng đồng ý giao con chung Lê Quỳnh N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và đồng ý việc bà T không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con.

Trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 21/9/2023 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2.6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Phạm Thị T không yêu cầu ông Lê Minh K cấp dưỡng nuôi con và xét thấy từ trước đến nay, bà T là người trực tiếp nuôi con, vẫn đảm bảo cuộc sống về mọi mặt cho con chung Lê Quỳnh N, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T là tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án

- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị T đối với ông Lê Minh K.

2. Về con chung: Giao con chung: Lê Quỳnh N (nữ), sinh ngày 21/9/2023 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Lê Minh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị T về việc tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002889 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – Lâm Đồng. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2025), bị đơn vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV 10, Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV10, Lâm Đồng;
- UBND Phường P;
- Lưu hồ sơ,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Xuân Vi